

**THÔNG BÁO THAY ĐỔI HẠN MỨC CHÀO BÁN
CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM**

Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh thông báo thay đổi hạn mức chào bán chứng quyền có bảo đảm của các mã chứng khoán cơ sở như sau:

STT	Mã CKCS	Hạn mức chào bán cũ	Hạn mức chào bán mới
1	HPG	283.989.342	282.989.342
2	TPB	118.476.369	115.328.911

Như vậy danh sách cổ phiếu đáp ứng điều kiện là chứng khoán cơ sở của chứng quyền có bảo đảm và hạn mức còn được phép chào bán được áp dụng từ ngày 05/01/2026 như sau:

STT	Mã chứng khoán	Khối lượng cổ phiếu lưu hành	Tổng số cổ phiếu tự do chuyển nhượng	Tổng hạn mức chào bán	Hạn mức chào bán còn lại
1	ACB	5.136.656.599	4.354.343.798	435.434.379	381.374.479
2	DGC	379.778.413	219.397.989	21.939.798	21.359.947
3	FPT	1.703.507.121	1.373.537.791	137.353.779	105.506.034
4	HDB	5.005.276.323	3.591.285.761	359.128.576	336.971.192
5	HPG	7.675.465.855	4.159.334.946	415.933.494	282.989.342
6	LPB	2.987.282.100	2.702.594.115	270.259.411	265.017.740
7	MBB	8.054.999.909	4.000.918.454	400.091.845	308.918.702
8	MSN	1.445.915.457	816.653.050	81.665.305	66.488.402
9	MWG	1.468.456.763	1.082.105.788	108.210.578	65.672.309
10	SHB	4.593.703.838	3.188.030.463	318.803.046	290.276.855
11	SSB	2.845.000.000	1.473.425.500	147.342.550	143.342.550
12	SSI	2.075.914.794	1.358.686.232	135.868.623	135.868.623

STT	Mã chứng khoán	Khối lượng cổ phiếu lưu hành	Tổng số cổ phiếu tự do chuyển nhượng	Tổng hạn mức chào bán	Hạn mức chào bán còn lại
13	STB	1.885.215.716	1.727.046.117	172.704.611	112.762.947
14	TCB	7.086.240.414	3.801.767.982	380.176.798	320.032.694
15	TPB	2.774.046.873	1.451.658.728	145.165.872	115.328.911
16	VHM	4.107.412.004	1.070.802.309	107.080.230	92.679.334
17	VIB	3.404.005.710	2.009.724.971	200.972.497	163.721.346
18	VIC	7.706.031.024	2.437.417.612	243.741.761	236.874.253
19	VJC	591.611.334	259.835.697	25.983.569	25.187.154
20	VNM	2.089.955.445	738.799.249	73.879.924	57.161.652
21	VPB	7.933.923.601	4.494.567.719	449.456.771	382.414.268
22	VRE	2.272.318.410	901.428.713	90.142.871	69.253.363